



ASEAN SECURITIES

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASEAN

BÁO CÁO CƠ HỘI ĐẦU TƯ

Vùng hỗ trợ gần quanh 1.600 điểm

ASEANSC Research | 23-03-2026



MỤC LỤC



1

Nhận định thị trường chứng khoán:

3

VN Index tiếp tục điều chỉnh

2

Chiến lược giao dịch ngắn hạn:

4

Ưu tiên cổ phiếu thu hút dòng tiền

3

Chiến lược theo câu chuyện và dòng tiền:

7

Phân bổ vốn hợp lý

4

Chiến lược đầu tư năm 2026:

23

Tiếp tục tích lũy, gom mua cổ phiếu

- ## VN Index tiếp tục điều chỉnh
- Chỉ số VNINDEX - 1D O 1698.62 H 1698.62 L 1647.16 C 1647.81 -51.32 (-3.02%)
- ▼ 6
-
- 1950.00
1925.00
1900.00
1875.00
1850.00
1825.00
1800.00
1775.00
1750.00
1725.00
1700.00
1675.00
1650.00
1625.00
1600.00
1575.00
1550.00
1525.00
1500.00
1475.00
1450.00
- VNINDEX 1647.81
- 1807.45
1800.00
1774.00
1766.52
1692.85
1692.85
1647.81
1647.81
- 80.00
40.00
0.00
-40.00
-80.00
- Tháng Tám 14 Tháng 9 16 Tháng 10 14 Tháng 11 14 Tháng Mười hai 12 2026 16 Tháng Hai Tháng 3 13 Tháng 4

Nguồn: ASEANSC Research



2. CHIẾN LƯỢC GIAO DỊCH NGẮN HẠN

- **Nhà giao dịch ngắn hạn tham khảo danh sách cổ phiếu tiềm năng được cung cấp bởi ASEANSC Research để tìm kiếm cơ hội Trading.** Các cổ phiếu trong danh sách được lựa chọn theo các công cụ kỹ thuật mà chúng tôi xây dựng (Siêu chỉ báo, Đột biến khối lượng, Phân kỳ tăng giá, v.v) trong đó ưu tiên tìm kiếm các đại diện đang nhận được sự quan tâm của dòng tiền lớn.
- **Nhà giao dịch ngắn hạn không nên thực hiện all-in cho một cổ phiếu mà cần đa dạng hóa dựa theo khẩu vị rủi ro của bản thân nhà đầu tư.**
- **Nhà đầu tư nên cân nhắc điểm mua tại các nhịp điều chỉnh hoặc các nền tích lũy của cổ phiếu, đồng thời cần hạn chế tâm lý FOMO mua đuổi tại các giai đoạn cổ phiếu kéo giá liên tục.**
- **Mức dừng lỗ tối đa cho mỗi giao dịch là -5% (tính trên giá mua của nhà đầu tư).**
- **Nhà đầu tư tham khảo trạng thái margin đề xuất để xem xét sử dụng margin (vốn vay) tại các giai đoạn thị trường thuận lợi.** Các mức đề xuất của chúng tôi gồm có: (i) Không sử dụng, (ii) Thấp (10% - 30%), (ii) Trung bình (30% - 50%), (iv) Cao (>50%).
- **Thời gian nắm giữ cổ phiếu trong danh mục từ T+3 đến T+10.**
- **Hệ số Beta thể hiện tính biến động của cổ phiếu so với thị trường.** Chẳng hạn Beta >1 có nghĩa cổ phiếu này có độ biến động cao hơn so với thị trường chung.



Nguồn: ASEANSC tổng hợp



2. CHIẾN LƯỢC GIAO DỊCH NGẮN HẠN

Danh sách cổ phiếu Trading cho tuần 23/03/2026 – 27/03/2026

Cổ phiếu	Ngành	Vùng mua kỳ vọng (1.000 đ)	Vùng mục tiêu kỳ vọng (1.000 đ)	Tỷ lệ Margin đề xuất
VCI	Chứng khoán	33,5 – 34,5	36 +/-	Thấp (0% - 10%)
VCK	Chứng khoán	30 – 30,7	32 +/-	
MSR	Khoáng sản	43,5 – 44,3	46,5 +/-	
GMD	Vận tải	74 – 75,6	78 +/-	
HDG	Bất động sản	26 – 26,8	28 +/-	
BSR	Dầu khí	24 – 25	28 +/-	

* Mức dừng lỗ tối đa cho mỗi giao dịch là -5%



2. CHIẾN LƯỢC GIAO DỊCH NGẮN HẠN

Hiệu suất danh mục Trading cho tuần 16/03/2026 – 20/03/2026

Cổ phiếu	Ngành	Vùng mua kỳ vọng (1.000 đ)	Biến động trong tuần
PVD	Dầu khí	38,1 – 38,8	-14,38%
VSC	Vận tải	24,2 – 24,8	1,81%
DCM	Phân bón - Hóa chất	43 – 44,5	-8,98%
GMD	Vận tải	74 – 75	1,71%
VHC	Thủy sản	59 – 60	-5,21%
BSR	Dầu khí	30 – 31,3	-20,31%

* Mức dừng lỗ tối đa cho mỗi giao dịch là -5%



3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Đối với chiến lược theo câu chuyện và dòng tiền, nhà đầu tư nên tìm kiếm cơ hội theo các chủ điểm sau:

Thoái vốn Nhà nước và cổ phần hóa	Căng thẳng Trung Đông
Phát hiện mỏ dầu lớn (Hai Su Vang) - Chu kỳ offshore mới	Nghị quyết 68 - Phát triển kinh tế tư nhân
Nghị quyết 79 - Phát triển kinh tế nhà nước	Tiêu dùng - bán lẻ khởi sắc
BDS Khu công nghiệp khởi sắc	Mùa KQKD & định giá quay về lợi nhuận
Ngành Ngân hàng khả quan (Tín dụng duy trì cao, NIM ổn định, chất lượng tài sản cải thiện)	Đầu tư công & siêu chu kỳ hạ tầng
Ngành điện 2026: tăng tốc hạ tầng điện & nhu cầu 2 chữ số	Chuỗi khí - điện Lô B – Ô Môn: tăng tốc dự án trọng điểm, mở khóa backlog dầu khí & điện khí
Trụ/bluechips thanh khoản đỡ thị trường	Nâng hạng FTSE & cải cách thị trường
Bất động sản hồi phục (Pháp lý/bảng giá đất)	Ngành chứng khoán khả quan (Làn sóng IPO & tăng vốn & tài sản số)
Cổ Phiếu Có Lợi Tức Dự Kiến $\geq 6\%$	



3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với câu chuyện Thoái vốn Nhà nước và cổ phần hóa

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
PLX	(820)	(4)	(824)	10%	5%	12.939	20,8	1,8
VNM	(952)	(41)	(992)	26%	1%	20.900	13,3	3,6
BVH	40	(24)	16	12%	21%	7.423	13,0	2,2
POW	(86)	(59)	(145)	8%	26%	30.678	15,9	1,0
VGC	(70)	(7)	(77)	15%	12%	4.484	14,1	1,7
GAS	(816)	(18)	(834)	17%	12%	24.129	17,3	2,9
BSR	(1.156)	(226)	(1.383)	9%	191%	50.073	27,1	2,3



3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với Nghị quyết 68 - Phát triển kinh tế tư nhân

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
FPT	(969)	(611)	(1.579)	27%	20%	17.035	13,5	2,9
HDB	(217)	(122)	(339)	25%	28%	50.053	7,1	1,5
GMD	128	81	209	16%	43%	4.265	19,6	2,2
DGW	(306)	23	(282)	17%	1640%	2.213	16,8	2,7
PNJ	(303)	12	(291)	23%	31%	3.413	13,6	2,9
REE	336	3	339	13%	15%	5.417	35,6	1,5
VPB	(556)	(32)	(588)	15%	35%	79.339	8,3	1,1
ACB	(477)	2	(475)	17%	14%	51.367	7,6	1,2
TCB	(83)	(2)	(84)	15%	10%	70.862	7,9	1,2
MWG	(858)	(62)	(920)	23%	525%	14.697	16,7	3,5



3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với câu chuyện Phát hiện mỏ dầu lớn (Hai Su Vang) - Chu kỳ offshore mới

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
PLX	(820)	(4)	(824)	10%	5%	12.939	20,8	1,8
OIL	(364)	(2)	(366)	4%	-10%	2.014	38,7	1,4
GAS	(816)	(18)	(834)	17%	12%	24.129	17,3	2,9
PVS	(8)	108	100	12%	30%	5.114	11,2	1,3
PVD	(953)	(18)	(970)	6%	-224%	5.563	18,5	1,1
BSR	(1.156)	(226)	(1.383)	9%	191%	50.073	27,1	2,3



3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với câu chuyện Căng thẳng địa chính trị tại Trung Đông

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
PLX	(820)	(4)	(824)	10%	5%	12.939	20,8	1,8
OIL	(364)	(2)	(366)	4%	-10%	2.014	38,7	1,4
GAS	(816)	(18)	(834)	17%	12%	24.129	17,3	2,9
PVS	(8)	108	100	12%	30%	5.114	11,2	1,3
PVD	(953)	(18)	(970)	6%	-224%	5.563	18,5	1,1
BSR	(1.156)	(226)	(1.383)	9%	191%	50.073	27,1	2,3



3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với Nghị quyết 79 - Phát triển kinh tế nhà nước

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
PLX	(820)	(4)	(824)	10%	5%	12.939	20,8	1,8
GVR	(284)	51	(232)	10%	9%	40.000	22,4	2,0
BVH	40	(24)	16	12%	21%	7.423	13,0	2,2
POW	(86)	(59)	(145)	8%	26%	30.678	15,9	1,0
BID	603	(591)	12	18%	31%	70.214	8,8	1,5
GAS	(816)	(18)	(834)	17%	12%	24.129	17,3	2,9
BSR	(1.156)	(226)	(1.383)	9%	191%	50.073	27,1	2,3
VCB	(233)	(422)	(654)	16%	13%	83.557	13,7	2,1
CTG	315	(73)	242	21%	-12%	77.669	7,5	1,5



3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với câu chuyện Tiêu dùng – Bán lẻ khởi sắc

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
VNM	(952)	(41)	(992)	26%	1%	20.900	13,3	3,6
DGW	(306)	23	(282)	17%	1640%	2.213	16,8	2,7
PNJ	(303)	12	(291)	23%	31%	3.413	13,6	2,9
MSN	(506)	416	(90)	16%	18%	14.459	25,0	2,3
FRT	(49)	49	0	27%	-69%	1.703	31,8	4,9
MWG	(858)	(62)	(920)	23%	525%	14.697	16,7	3,5



3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với câu chuyện BĐS Khu công nghiệp khởi sắc

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
IDC	(180)	42	(138)	30%	70%	3.795	8,5	2,0
BCM	(47)	(10)	(57)	16%	26%	10.350	15,7	2,3
KBC	(102)	(325)	(427)	9%	112%	9.418	11,6	0,9
SIP	1	(21)	(20)	27%	14%	2.421	9,6	2,3
TIP	1	0	1	12%	26%	650	3,3	0,6
VGC	(70)	(7)	(77)	15%	12%	4.484	14,1	1,7
LHG	(2)	0	(1)	16%	5%	500	4,7	0,8
PHR	(14)	19	5	13%	9%	1.355	15,5	1,9
NTC	2	(0)	2	26%	3%	240	9,6	2,6
SZC	(16)	1	(15)	11%	6%	1.800	15,2	1,6



3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với câu chuyện mùa KQKD & định giá quay về lợi nhuận

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
FPT	(969)	(611)	(1.579)	27%	20%	17.035	13,5	2,9
HPG	(1.190)	(806)	(1.996)	12%	3%	76.755	12,9	1,5
PNJ	(303)	12	(291)	23%	31%	3.413	13,6	2,9
DCM	(691)	91	(600)	19%	32%	5.294	11,9	2,1
VPB	(556)	(32)	(588)	15%	35%	79.339	8,3	1,1
MBB	(229)	(62)	(291)	21%	20%	80.550	7,6	1,4
MWG	(858)	(62)	(920)	23%	525%	14.697	16,7	3,5
CTG	315	(73)	242	21%	-12%	77.669	7,5	1,5



3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng Ngành Ngân hàng khả quan (Tín dụng duy trì cao, NIM ổn định, chất lượng tài sản cải thiện)

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
STB	488	(559)	(71)	10%	-37%	18.852	20,4	2,0
HDB	(217)	(122)	(339)	25%	28%	50.053	7,1	1,5
BID	603	(591)	12	18%	31%	70.214	8,8	1,5
VPB	(556)	(32)	(588)	15%	35%	79.339	8,3	1,1
MBB	(229)	(62)	(291)	21%	20%	80.550	7,6	1,4
ACB	(477)	2	(475)	17%	14%	51.367	7,6	1,2
VCB	(233)	(422)	(654)	16%	13%	83.557	13,7	2,1
TCB	(83)	(2)	(84)	15%	10%	70.862	7,9	1,2
CTG	315	(73)	242	21%	-12%	77.669	7,5	1,5



3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với câu chuyện Đầu tư công & siêu chu kỳ hạ tầng

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
HPG	(1.190)	(806)	(1.996)	12%	3%	76.755	12,9	1,5
PLC	(6)	(1)	(7)	1%	47%	808	146,0	1,6
FCN	(28)	(4)	(32)	3%	-40%	1.574	59,6	0,6
HT1	(31)	(2)	(33)	6%	117%	3.816	21,7	1,2
KSB	(96)	(5)	(101)	6%	18%	1.148	11,4	0,6
CTD	248	12	260	5%	169%	1.087	10,7	0,9
HHV	(204)	(14)	(218)	6%	24%	4.974	9,9	0,5
VCG	(108)	(29)	(136)	35%	118%	6.465	3,6	1,1
BMP	(8)	(118)	(126)	42%	73%	819	8,6	3,7



3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với Ngành điện 2026: tăng tốc hạ tầng điện & nhu cầu 2 chữ số

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
POW	(86)	(59)	(145)	8%	26%	30.678	15,9	1,0
NT2	(5)	(2)	(8)	26%	300%	2.879	7,5	1,6
TV2	(1)	(0)	(1)	7%	-3%	675	30,1	1,8
GEG	(43)	(2)	(45)	15%	211%	3.583	8,5	0,9
REE	336	3	339	13%	15%	5.417	35,6	1,5
PC1	(23)	(4)	(27)	17%	38%	4.113	10,5	1,2



3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với Chuỗi khí - điện Lô B – Ô Môn: tăng tốc dự án trọng điểm, mở khóa backlog dầu khí & điện khí

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
POW	(86)	(59)	(145)	8%	26%	30.678	15,9	1,0
TV2	(1)	(0)	(1)	7%	-3%	675	30,1	1,8
PVB	2	(1)	0	15%	-451%	216	10,6	1,5
GAS	(816)	(18)	(834)	17%	12%	24.129	17,3	2,9
PVS	(8)	108	100	12%	30%	5.114	11,2	1,3
PVD	(953)	(18)	(970)	6%	-224%	5.563	18,5	1,1



3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với câu chuyện Trục/bluechips thanh khoản đỡ thị trường

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
VCB	(233)	(422)	(654)	16%	13%	83.557	13,7	2,1
FPT	(969)	(611)	(1.579)	27%	20%	17.035	13,5	2,9
VNM	(952)	(41)	(992)	26%	1%	20.900	13,3	3,6
HPG	(1.190)	(806)	(1.996)	12%	3%	76.755	12,9	1,5
BID	603	(591)	12	18%	31%	70.214	8,8	1,5
TCB	(83)	(2)	(84)	15%	10%	70.862	7,9	1,2
CTG	315	(73)	242	21%	-12%	77.669	7,5	1,5
VHM	1.009	(213)	795	18%	4%	41.074	10,0	1,7



3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với câu chuyện Nâng hạng FTSE & cải cách thị trường

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
FPT	(969)	(611)	(1.579)	27%	20%	17.035	13,5	2,9
VNM	(952)	(41)	(992)	26%	1%	20.900	13,3	3,6
HPG	(1.190)	(806)	(1.996)	12%	3%	76.755	12,9	1,5
VPB	(556)	(32)	(588)	15%	35%	79.339	8,3	1,1
MBB	(229)	(62)	(291)	21%	20%	80.550	7,6	1,4
VCB	(233)	(422)	(654)	16%	13%	83.557	13,7	2,1
TCB	(83)	(2)	(84)	15%	10%	70.862	7,9	1,2
VHM	1.009	(213)	795	18%	4%	41.074	10,0	1,7
SSI	(2.864)	(54)	(2.918)	14%	17%	24.931	13,3	1,7



3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với câu chuyện Bất động sản hồi phục (Pháp lý/bảng giá đất)

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
NLG	23	45	67	7%	-2%	4.851	16,0	0,8
PDR	90	(32)	58	4%	19%	9.978	28,5	1,2
KDH	286	(192)	94	8%	18%	11.222	27,1	1,3
DXG	(63)	(22)	(85)	3%	23%	11.141	60,1	0,7
VHM	1.009	(213)	795	18%	4%	41.074	10,0	1,7



3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với câu chuyện Ngành chứng khoán khả quan (Làn sóng IPO & tăng vốn & tài sản số)

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
VCK	715	525	1.240	21%	76%	15.218	12,8	1,6
TCX	(10)	(49)	(60)	16%	21%	23.113	19,9	2,6
VCI	(293)	52	(241)	10%	12%	8.501	19,3	1,4
MBS	(95)	(1)	(96)	15%	20%	6.673	12,5	1,8
VND	(457)	(167)	(624)	10%	5%	15.223	11,6	1,1
VIX	94	(108)	(14)	29%	209%	15.314	8,4	1,2
SHS	(136)	94	(42)	11%	68%	8.995	11,1	1,2
HCM	(316)	(0)	(316)	10%	5%	10.808	15,8	1,3
SSI	(2.864)	(54)	(2.918)	14%	17%	24.931	13,3	1,7



3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

DANH SÁCH CỔ PHIẾU CÓ LỢI TỨC DỰ KIẾN $\geq 6\%$ (SẮP XẾP THEO TỶ LỆ LỢI TỨC)

STT	Mã CP	Sàn GD	Lợi tức dự kiến (*)	Cổ tức 2024 (đã trả)	Giá CP	KLGD 1 phiên	Quy mô LNTT 2025	Tăng trưởng LNTT 2025 (YoY)
1	VEA	UPCOM	13%	47%	35.500	984.500	7.599	0%
2	SCS	HOSE	11%	60%	53.600	285.500	940	20%
3	SAB	HOSE	10%	50%	48.750	1.886.100	5.652	0%
4	QTP	UPCOM	10%	12%	12.600	412.000	1.351	96%
5	MSH	HOSE	9%	35%	37.700	1.345.600	818	50%
6	TNG	HNX	9%	20%	21.200	4.323.500	484	24%
7	CHP	HOSE	8%	22%	27.150	16.500	487	47%
8	DPM	HOSE	6%	15%	24.700	6.412.400	1.353	102%
9	VNM	HOSE	6%	44%	69.100	6.695.900	11.650	0%



4. CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ NĂM 2026

Danh sách cổ phiếu tiềm năng cho chiến lược đầu tư năm 2026

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá		Thị trường		
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB	Giá	%	KLGD
VCB	(1.792)	(1.360)	(3.152)	16%	13%	83.557	15,3	2,4	64.700	3%	15.811.100
BID	(1.833)	(21)	(1.854)	18%	31%	70.214	10,8	1,9	48.500	3%	22.973.600
CTG	(1.179)	(218)	(1.397)	21%	-12%	77.669	8,5	1,6	37.900	2%	12.648.100
TCB	224	32	256	15%	10%	70.862	9,4	1,4	35.300	2%	9.951.100
VPB	(395)	(86)	(481)	15%	35%	79.339	9,4	1,2	28.300	6%	11.076.900
HDB	643	(199)	445	25%	28%	50.053	7,9	1,7	27.800	4%	12.368.700
TCX	(220)	86	(135)	16%	21%	23.113	22,7	2,9	55.800	2%	850.900
VCI	(170)	(46)	(216)	10%	12%	8.501	19,2	1,4	35.550	2%	4.436.000



4. CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ NĂM 2026

Danh sách cổ phiếu tiềm năng cho chiến lược đầu tư năm 2026

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá		Thị trường		
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB	Giá	%	KLGD
FPT	(1.053)	(1.240)	(2.293)	27%	20%	17.035	17,9	3,8	98.600	1%	6.113.500
HPG	(3.448)	(59)	(3.507)	12%	3%	76.755	13,3	1,6	26.850	1%	32.543.400
PVS	(1.490)	305	(1.185)	12%	30%	5.114	12,0	1,4	42.800	1%	14.159.283
PVD	(238)	199	(39)	6%	-224%	5.563	17,6	1,1	32.600	0%	12.323.400
PNJ	(88)	(213)	(301)	23%	31%	3.413	13,9	3,0	115.900	3%	2.252.400
VNM	(811)	270	(541)	26%	1%	20.900	15,3	4,2	69.100	1%	5.090.400
MSN	(1.532)	(59)	(1.591)	16%	18%	14.459	27,4	2,5	78.000	2%	6.018.600
MWG	(924)	507	(417)	23%	525%	14.697	19,2	4,1	91.900	3%	5.950.600

TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Báo cáo này được xây dựng bởi Khối Phân tích của Chứng khoán ASEAN (ASEANSC Research).

Báo cáo này bao gồm các nhận định chủ quan và dựa trên nguồn thông tin tin cậy và cơ sở phân tích chi tiết, cẩn trọng. ASEANSC không đảm bảo sự chính xác và đầy đủ một cách tuyệt đối của các nguồn thông tin, đồng thời báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào.

Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với các quyết định đầu tư của chính mình.

Các quan điểm và ước tính trong báo cáo của chúng tôi có giá trị đến ngày công bố báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước. ASEANSC giữ bản quyền của báo cáo này. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của ASEANSC đều trái luật.

Head Office

4th-7th Floors, No. 3 Dang Thai Than, Cua Nam Ward, Hanoi City

Branch

2nd Floor, No. 77-79 Pho Duc Chinh, Ben Thanh Ward, HCMC

T 1900 638 088

E cskh@aseansc.com.vn

W aseansc.com.vn

Nguồn: ASEANSC Research



**Trung tâm
Dữ liệu &
phân tích thị trường**